TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: Ly hôn giữa chị Đ1 và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khương

2. Ông Hà Ứng Cương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đàm Ngọc Đ, sinh năm 1992

HKTT: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2018, chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05-6-2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do anh Đ không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc chị Đ1, chị Đ1 đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Đ1 và anh Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hiện nay chị Đ1 không còn tình cảm với anh Đ nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ1 yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Ngọc Đ: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ1 đối với bị đơn anh Đàm Ngọc Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đàm Ngọc Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ1, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ chung sống với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05-6-2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ1:* Vợ chồng chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị Đ1 tại Toà án: chị Đ1 và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do anh Đ không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc chị Đ1, chị Đ1 đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Đ1 và anh Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay mà tình cảm vẫn không hàn gắn được. Bên cạnh đó, chị Đ1 xác nhận hiện nay chị không còn tình cảm với anh Đ nữa. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ1 và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Đ1 xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị Đ1 và anh Đ được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà chị Đ1 xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh Đ, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Đ1 là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị Đ1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ1 và anh Đàm Ngọc Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ1 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị Đ1 được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005612 ngày 26-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Đ1 không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đàm Ngọc Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân